TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST Ngày: 22-01-2021 V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH, CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kim Cương.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ngô Thị Hồng T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh C.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số X, Phố L, phường H, quận H, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật ông Dương Quyết Th – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền ông Lê Công Đẳng – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện P (xin vắng mặt).

Theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng C và giấy ủy quyền số 130/UQ-PGD ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 8 năm 2020 và tại biên bản hòa giải ngày 06 tháng 10 năm 2020 nguyên đơn bà Ngô Thị Hồng T trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N. Về con chung: trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 28/9/2003, Nguyễn Thị Nguyền N1, sinh ngày 27/7/2005, Nguyễn Trọng P, sinh ngày 03/01/2015, đối với Nguyễn Thị Thu L và Nguyễn Thị Nguyền N1 do ông N đang trực tiếp nuôi dưỡng; Nguyễn Trọng P do bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi Nguyễn Trọng P, giao hai người con chung Nguyễn Thị Thu L và Nguyễn Thị N1 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Nợ chung nợ Ngân hàng C 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Bà đồng ý trả 20.000.000 đồng tiền gốc và 2/3 số tiền lãi, phần còn lại ông N có trách nhiệm trả. Còn các khoản nợ còn lại ông N kê bà không biết.

- Tại bản tự khai ngày 10 tháng 09 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Về quan hệ hôn nhân con chung và mâu thuẫn gia đình đúng như Thắm trình bày, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2016 đến nay. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T, ông đồng ý giao người con chung tên Nguyễn Trọng P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Nguyễn Thị Thu L và Nguyễn Thị Nguyền N1, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Đối với nợ Ngân hàng C 30.000.000 đồng và lãi phát sinh ông yêu cầu bà thắm trả vì đây là nợ riêng của bà T, trong thời gian chung sống vợ chồng không có vay tiên của Ngân hàng. Nếu bà thắm không đồng ý trả nợ cho Ngân hàng chính sách thì ông sẽ yêu cầu chia tất cả các khoản nợ của vợ chồng nợ gồm: Ông Nguyễn Văn Đ 20.000.000 đồng, bà Huỳnh Gia H 16.000.000 đồng, ông Hồ Thanh Ph 01 chỉ vàng 24k. ông Nguyễn Văn M 4.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Th 01 chỉ vàng 24k, ông Nguyễn Văn S 4.000.000 đồng.

- Tại đơn yêu cầu ngày 07 tháng 9 năm 2020 và tại biên bản hòa giải ngày 06 tháng 10 năm 2020 đại diện Ngân hàng C trình bày: Vào ngày 17 tháng 5 năm 2015 bà T và ông N có vay tiền của Ngân hàng C với số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,8%/tháng, thời hạn vay 5 năm. Tính đến thời điểm hiện tại hợp đồng vay này đã quá hạn, đến ngày 06 tháng 10 năm 2020 tổng gốc và lãi 42.641.000 đồng, trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 12.641.000 đồng. Ngân hàng

yêu cầu bà T và ông N trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi đến ngày 06 tháng 10 năm 2020 là 42.641.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng T. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C, buộc ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền gốc 30.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn N, yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

[2.1] Bà Ngô Thị Hồng T là nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên coi như bà T từ bỏ việc khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng T. Bà T có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[2.2] Ông Nguyễn Văn N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn N. Ngân hàng C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Ngân hàng C.

[3] Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng C: Theo hồ sơ do Ngân hàng C cung cấp thể hiện ngày 17 tháng 5 năm 2015 bà Ngô Thị Hồng T có vay của Ngân hàng C số tiền 30.000.000 đồng, ông N là người thừa kế, bà T cho rằng bà vay tiền để sử dụng chung trong gia đình. Tại biên bản hòa giải ông N cho rằng vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2016 bà T vay tiền sau khi với chồng không còn chung sống nên đây là nợ riêng của bà T nên ông không đồng ý trả nợ cùng bà T. Xét thấy, ông N cho rằng vợ chồng không còn chung sống từ tháng 12/2016 còn khoản nợ Ngân hành chính sách hội bà T vay vào tháng 5 năm 2015, là nợ phát sinh trong thời kỳ ông N, bà T chung sống nên đây là nợ chung của ông N và bà T nên buộc ông N liên đới trách nhiệm trả nợ cho cho Ngân hàng C là có căn cứ. Do đó, ông N và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách số tiền

gốc và lãi đến ngày 06 tháng 10 năm 2020 là 42.641.000 đồng; trong đó, tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi là 12.641.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng vay sau ngày 07 tháng 10 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ.

[4] Đối với ông Nguyễn Văn Đ, bà Huỳnh Gia H, ông Hồ Thanh Ph. ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn S đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, nhưng ông Nguyễn Văn Đ, bà Huỳnh Gia H, ông Hồ Thanh Ph. ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Văn S không có nộp đơn yêu cầu ông N, bà T trả nợ và không dự nộp tạm ứng án phí nên không xem xét. Nếu các đương sự không thỏa thuận được việc trả nợ có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Ngô Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng, bà T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng được đối trừ chuyển thu án phí. Bà Ngô Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ chịu án phí dân sự có giá ngạch 2.132.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 6 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hồng T về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với ông Nguyễn Văn N. Bà Ngô Thị Hồng T có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng C. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền gốc và lãi đến ngày 06 tháng 10 năm 2020 là 42.641.000 đồng (bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi mốt ngàn đồng); trong đó, tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi là 12.641.000 đồng.

Kể từ ngày 07 tháng 10 năm 2020 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

- Bà Ngô Thị Hồng T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0011938 ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2.132.000 đồng, mỗi người phải nộp 1.066.000 đồng

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Các đương sự (1b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều